



PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo quy định thông tư số 04/2012/TT-BCT

Trang 1/9

Sabouraud Dextrose Agar

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-04-20

Phần 1. Nhận dạng hoá chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

1.1 Định dạng sản phẩm

Tên sản phẩm	Sabouraud Dextrose Agar
Số Danh Mục	NCM0008, HP014, LAB009

1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	[SU3] Sử dụng trong công nghiệp: Sử dụng các chất như vậy hoặc trong các chế phẩm tại các khu công nghiệp; [PC21] Hoá chất phòng thí nghiệm; [PROC15] Dùng làm thuốc thử trong phòng thí nghiệm;
Hình thù	Chỉ sử dụng trong ống nghiệm. Chỉ dành cho phòng thí nghiệm.

1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty:	Neogen Corporation
Địa chỉ nhà	620 Lesher Place Lansing MI 48912 USA
Web	www.neogen.com
Điện thoại:	517-372-9200/800-234-5333
Địa chỉ email:	SDS@neogen.com

1.4 Điện thoại khẩn cấp

24 giờ:
Y tế: 1-800-498-5743 (Mỹ và Canada) hoặc 1-651-523-0318 (quốc tế)
Trần/CHEMTREC: 1-800-424-9300 (Hoà Kỳ và Canada) hoặc 1-703-527-3887 (quốc tế)

Thông tin khác

Sản xuất bởi:
Neogen Corporation
740 East Shawnee
Lansing, MI 48912 U.S.A.

Neogen Corporation
1 Quest Park-Moss Hall Road
Heywood Lancashire BL97JJ UK.

Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

2.2 Các yếu tố nhân

Cảnh báo nguy hiểm	Không có mối nguy hiểm đáng kể
--------------------	--------------------------------

2.3 Các nguy cơ khác

Các dấu hiệu nguy hiểm khác	Bụi có thể gây khó chịu nếu hít phải.
-----------------------------	---------------------------------------

Sabouraud Dextrose Agar

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-04-20

Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

Hình thè

	Không có thành phần cần phải được tiết lộ theo các quy định hiện hành. Nồng độ được liệt kê không phải là thông số kỹ thuật sản phẩm.
--	--

Thông tin khác

	Toàn văn Tuyên bố về mối nguy được liệt kê trong Phần này được cung cấp trong Phần 16.
--	--

Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Sâu khì hít phải:	Di chuyển người tiếp xúc với không khí trong lành. Nếu việc thở gặp khó khăn, hãy lấy thêm khí oxy. Nếu ngừng thở, cung cấp hô hấp nhân tạo. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
Sâu khì tiếp xúc với mắt	Rửa sạch ngay với nhiều nước. Kính áp tròng nên được loại bỏ. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
Trong trường hợp tiếp xúc với da	Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn. Rửa bằng xà phòng và nước. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
Nếu nuốt phải:	Không gây nôn trừ khi được trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sĩ y tế yêu cầu làm như vậy. Rửa miệng thật kỹ. Không bảo giờ cho bất cứ điều gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Được tư vấn y tế / chú ý nếu bạn cảm thấy không khỏe.

4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

Sâu khì hít phải:	Có thể gây kích ứng cho hệ hô hấp.
Sâu khì tiếp xúc với mắt	Có thể gây kích ứng cho mắt.
Trong trường hợp tiếp xúc với da	Có thể gây kích ứng cho da.
Nếu nuốt phải:	Ăn vào có thể gây buồn nôn và nôn.

4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

	Loại bỏ người bị ảnh hưởng khỏi nguồn ô nhiễm ngay lập tức. Chuyển đến bệnh viện nếu có bông hoặc triệu chứng ngộ độc. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại. Nếu cần tư vấn y tế, có hộp đựng sản phẩm hoặc nhãn trong tay.
--	--

Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

5.1 Các phương tiện chữa cháy

	Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
--	--

5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hoá chất và hỗn hợp

	Tránh hình thành bụi. Không cho phép sản phẩm không phải loãng được xả vào nước ngầm, dòng nước hoặc hệ thống nước thải.
--	--

5.3 Lợi quyền dành cho lính cứu hỏa

	Không hít bụi hoặc hơi. Mang thiết bị hô hấp phù hợp khi cần thiết.
--	---

Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

	Tránh hình thành bụi. Sử dụng khi thích hợp: Thiết bị bảo vệ, quần áo bảo hộ. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.
--	--

6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

	Ngăn chặn sự cố tràn thêm nếu an toàn. Làm sạch khu vực tràn đầy với nhiều nước. Không xả vào
--	---

Sabouraud Dextrose Agar

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-04-20

6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

nước mặt. Đứng để sản phẩm gây ô nhiễm dưới đất.

6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch

Tránh hình thành bụi. Làm sạch khu vực tràn đầy với nhiều nước. Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải.

6.4 Xem các mục khác

Xem Phần (2, 8, 13) để biết thêm thông tin.

Phần 7. Các lưu ý khi thao tác và lưu trữ

7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn với hoá chất

Áp dụng các cảnh nhắc Xử lý thủ công tốt nhất khi xử lý, mang và phá chế. Tránh tiếp xúc với mắt. Không ăn, uống hoặc hút thuốc ở những khu vực sử dụng hoặc bảo quản sản phẩm này. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải. Sử dụng khi thích hợp: quần áo bảo hộ. Đọc toàn bộ nhãn và làm theo tất cả các hướng dẫn sử dụng, hạn chế và biện pháp phòng ngừa.

7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

Bảo quản ở nhiệt độ giữa 2 ° C và 30 ° C. Lưu trữ trong các thùng chứa có nhãn chính xác. Giữ kín thùng chứa. Không làm ô nhiễm nước, thực phẩm hoặc thức ăn bằng cách lưu trữ hoặc xử lý. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.

7.3 Sử dụng cụ thể

Xem Phần (1.2) để biết thêm thông tin.

Thông tin khác

Thăm khảo nhãn sản phẩm và / hoặc gói chèn để biết thêm thông tin.

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm



8.2.1. Các biện pháp kỹ thuật

Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ.

8.2.2. Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Sử dụng khi thích hợp: Thiết bị bảo vệ.

Bảo vệ mắt/mặt

Sử dụng khi thích hợp: Bảo vệ mắt/mặt.

Bảo vệ tay

Sử dụng khi thích hợp: Găng tay chống hoá chất làm bằng bất kỳ vật liệu chống thấm nào.

Thiết bị bảo hộ khác

Sử dụng khi thích hợp: quần áo bảo hộ.

Bảo vệ hô hấp

Trong trường hợp thiếu gió, đeo thiết bị hô hấp thích hợp.

Kiểm soát phơi nhiễm nghề nghiệp

Phơi nhiễm trên giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp được đề xuất (OEL) có thể gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe. Bảo vệ quần áo khỏi tiếp xúc với sản phẩm. Cung cấp hoá chất tắm. Cung cấp trạm rửa mắt.

Thông tin khác

Thăm khảo nhãn sản phẩm để biết thêm các yêu cầu và khuyến nghị PPE. Thực hiện theo các hướng dẫn nhãn.

Phần 9. Các tính chất vật lý và hoá học

Sảboureáud Dextrose Agár

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-04-20

9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học

Hình thù	Bột
Màu sắc	Be
Mùi đặc trưng	Đặc điem/Nhẹ
Ngưỡng mùi	Không có thông tin
Độ pH	5.4 - 5.8
Điem nóng chảy	Không có thông tin
Điem đóng băng	Không có thông tin
Điem sôi/khoảng sôi	Không có thông tin
Điem chớp cháy/oint	Không có thông tin
Tỷ lệ hoá hơi	Không có thông tin
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Không có thông tin
Áp suất hoá hơi	Không có thông tin
Tỷ trọng hơi tương đối	Không có thông tin
Tỷ trọng tương đối	Không có thông tin
Hệ số phần tán	Không có thông tin
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin
Độ nhớt, động lực	Không áp dụng được
Đặc tính cháy nổ	Không có thông tin
Đặc tính ôxy hoá	Không có thông tin
Tính tan trong nước	Hoà tan trong nước

9.2 Các dữ liệu khác

Tính dẫn	Không có thông tin
Sức căng bề mặt	Không có thông tin
Nhóm khí	Không áp dụng được
Hàm lượng benzen	Không có thông tin
Nội dung dẫn đầu	Không có thông tin
VOC (Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi)	Không có thông tin

Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

10.1 Khả năng phản ứng

	Ổn định trong điều kiện bình thường.
--	--------------------------------------

10.2 Tính ổn định hoá học

	Ổn định trong điều kiện bình thường.
--	--------------------------------------

10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

	Trong các điều kiện quy định, các phản ứng nguy hiểm dẫn đến nhiệt độ hoặc áp suất quá mức không được mong đợi.
--	---

10.4 Các điều kiện cần tránh

	Tránh xa nhiệt độ cực đoan, Độ ẩm.
--	------------------------------------

10.5 Các vật liệu xung khắc

	Không có thông tin.
--	---------------------

10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

	Ôxít carbon.
--	--------------

Sàbouràud Dextrose Agàr

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-04-20

Phần 11. Thông tin độc học

11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

Ngộ độc cấp tính	Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phần loại không được đáp ứng.
Ăn mòn / kích ứng da	Có thể gây kích ứng cho da.
Tổn thương / kích ứng mắt nghiêm trọng	Có thể gây kích ứng cho mắt.
Nhạy cảm	Có thể gây ra phản ứng dị ứng ở những người nhạy cảm.
Biến đổi tế bào gốc	Không có tác dụng gây đột biến được báo cáo.
Độc tính gây ung thư	Không có thành phần lớn hơn 0,01% được liệt kê trong hội nghị Hoà Hygienists của chính phủ công nghiệp (ACGIH) hướng dẫn về các giá trị phơi nhiễm nghề nghiệp. Không có thành phần lớn hơn 0,01% được liệt kê trong cơ quan quốc tế nghiên cứu về ung thư (IARC) chuyên khảo. Không có thành phần lớn hơn 0,1% được liệt kê trong chương trình độc quốc gia (NTP) báo cáo về chất gây ung thư. Không được liệt kê trong tiêu chuẩn OSHA 1910.1003 Chất gây ung thư.
Độc tính đối với sinh sản	Không có tác dụng gây quái thai báo cáo.
Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể -phơi nhiễm đơn lẻ	Có thể gây ra dị ứng hoặc hen suyễn hoặc các triệu chứng khó thở nếu hít.
Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần	Không có mối nguy hiểm đáng kể.
Nguy cơ hô hấp	Không có mối nguy hiểm đáng kể.
Tiếp xúc nhiều lần hoặc kéo dài	Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. Sự xuất hiện chậm trễ của các khiếu nại và phát triển quá mẫn cảm (khó thở, ho, hen suyễn) là có thể.

11.1.2. Hỗn hợp

	Xem Phần (3) để biết thêm thông tin.
--	--------------------------------------

11.1.3. Thông tin nguy hiểm

	Xem Phần (2 và 3) để biết thêm thông tin.
--	---

11.1.4. Thông tin độc tính

	Không có thông tin
--	--------------------

11.1.5. Nhóm sự cố

	Xem Phần (2 và 14) để biết thêm thông tin.
--	--

11.1.6. Tiêu chí phần loại

	Dựa trên các cảnh nhắc của Hệ thống hài hoà toàn cầu (GHS) để phần loại hỗn hợp. Xem Phần 15 để trích dẫn quy định.
--	---

11.1.7. Thông tin về các tuyến đường có khả năng bị phơi nhiễm

	Sau khi tiếp xúc với mắt. Trong trường hợp tiếp xúc với da. Sau khi hít phải. Nếu nuốt phải.
--	--

11.1.8. Các triệu chứng liên quan đến các đặc tính vật lý, hoá học và độc tính

	Xem Phần (4.2) để biết thêm thông tin.
--	--

11.1.9. Các tác dụng bị trì hoãn và ngay lập tức cũng như các tác động mãn tính do phơi nhiễm ngắn hạn và dài hạn

	Xem Phần (4.2) để biết thêm thông tin.
--	--

11.1.10. Hiệu ứng tương tác

	Không có thông tin.
--	---------------------

Sabouraud Dextrose Agar

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-04-20

11.1.11. Thiệu dữ liệu cụ thể

<1% hỗn hợp này bao gồm các thành phần độc tính cấp tính chưa biết.

11.1.12. Hỗn hợp so với thông tin chất

Xem Phần (3) để biết thêm thông tin.

11.1.13. Thông tin khác

Không có thông tin.

Phần 12. Thông tin sinh thái học

12.1 Độc tính

Không có thông tin

12.2 Tính bền vững và phân hủy

Không có thông tin.

12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học

Không có thông tin.

12.4 Tính biến đổi trong đất

Không có thông tin.

12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Không có thông tin.

12.6 Các ảnh hưởng có hại khác

Dữ liệu thử nghiệm cụ thể cho các chất hoặc hỗn hợp không có sẵn.

Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy

13.1. Các phương pháp xử lý chất thải

Vứt bỏ tuân thủ tất cả quy định của địa phương và quốc gia. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.

Phương pháp xử lý

Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải. Không xả vào nước mặt. Vứt bỏ tuân thủ tất cả quy định của địa phương và quốc gia.

Xử lý bảo bì

Container không thể đổ. Không tái sử dụng đồ chứa này.
Lưu trữ trong hộp kín bán đầu cách xả thực phẩm hoặc thức ăn.

Thông tin khác

Thăm khảo nhãn sản phẩm và / hoặc gói chèn để biết thêm thông tin. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.

Phần 14. Thông tin vận chuyển

14.1 Số UN

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

14.2 Tên vận chuyển thích hợp

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

14.3 Hạng

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

Sabouraud Dextrose Agar

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-04-20

14.4 Nhóm đóng gói

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

14.5 môi trường độc hại

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

14.7 Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

Phần 15. Thông tin pháp luật

15.1 Các quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

<p>Quy định</p> <p>Danh mục hóa chất / Danh sách phải biết:</p>	<p>Thông tư số 04/2012/TT-BCT.</p> <p>- Quốc tế--.</p> <p>Công ước Basel (Chất thải nguy hại): Không áp dụng được.</p> <p>Công ước vũ khí hóa học (OPCW): Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.</p> <p>Khí nhà kính Nghị định thư Kyoto: Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.</p> <p>Thỏa thuận Mercosur: Áp dụng.</p> <p>Nghị định thư Montréal: Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.</p> <p>Công ước Rotterdam: Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.</p> <p>Công ước Stockholm: Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.</p> <p>--Asiã và các quốc gia ASEAN--.</p> <p>Danh mục hóa chất độc hại (Trung Quốc): Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.</p> <p>Quy định của Bộ trưởng Bộ Thương mại Cộng hòa Indonesiã, Số 75, Năm 2014, về Sửa đổi thứ hai của Bộ trưởng Bộ Thương mại, Số 44, Năm 2009, về Cưng cấp, Phần phối và Kiểm soát các Chất độc hại: Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.</p> <p>Lệnh kiểm soát ô nhiễm không khí (Nhật bản): Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.</p> <p>Lệnh kiểm soát các chất hóa học (Nhật Bản): Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.</p> <p>Đạo luật về an toàn và sức khỏe công nghiệp, các chất nguy hiểm (Nhật Bản): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo.</p> <p>Đạo luật về chất độc và độc hại (Nhật Bản): Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.</p> <p>Đạo luật đối phó ô nhiễm đất (Nhật bản): Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.</p> <p>Lệnh kiểm soát ô nhiễm nước (Nhật bản): Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.</p> <p>Các chất hóa học được phép (Hàn Quốc): Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.</p> <p>Các chất bị hạn chế hoặc bị cấm (Hàn Quốc): Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.</p> <p>Sử dụng và các tiêu chuẩn tiếp xúc với hóa chất có hại cho sức khỏe (USECHH), Quy định 2000 (Máláysiã): Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.</p> <p>Kiểm kê hóa chất và hóa chất của Philippines (PICCS): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn.</p> <p>Đạo luật kiểm soát các chất hóa học và chất độc có liên quan đến Đài Loan (TCCSCA): Sản phẩm</p>
---	---

Sảobourạud Dextrose Agả

Phiền bản 2

y tháng sửa đỏi, bổ sung gầnnhất 2020-04-20

15.1 Các quy định/lựat pháp về ản toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đỏi với chất và hỗn hợp

	<p>này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.</p> <p>Đạo lựat về các chất độc hại (Thái Lản): Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.</p> <p>Lựat Hóa chất (Việt Nảm): Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.</p> <p>--Úc và New Zealand--.</p> <p>Mã hàng nguy hiễm của Úc: Không áp dụng đượ.</p> <p>Kiểm kê các chất hoá học (AICS) của Úc: Tất cả các thành phần đượ liệt kê hoặc miễm.</p> <p>Tồn kho hoá chất New Zealand (NZIOc): Tất cả các thành phần đượ liệt kê hoặc miễm.</p> <p>- Liên minh chấu Âu (EU) và Vương quốc Anh (Anh) -.</p> <p>Dảnh sách ủy quyền (Phụ lực XIV của REACH): Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.</p> <p>Phụ lực XVII cho REACH: Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.</p> <p>Điều 95 của Quy định về Sản phẩm Bìocidảl (BPR): Không áp dụng đượ.</p> <p>--Bắc Mỹ--.</p> <p>Dảnh sách các chất trong nước / ngoài nước (DSL / NDSL): Tất cả các thành phần đượ liệt kê hoặc miễm.</p> <p>Đạo lựat kiểm soát các chất độc hại (TSCA): Tất cả các thành phần đượ liệt kê hoặc miễm.</p> <p>Dảnh sách các chất độc hại cần biết của Mảssachusetts: Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.</p> <p>Đạo lựat Quyền đượ biết của Công nhản và Cộng đồng New Jersey: Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.</p> <p>Quyền đượ biết của Pennsylvania: Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.</p> <p>Lựat chụng về quyền đượ biết của Rhode Islảnd: Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.</p> <p>Dự lựat 65 của Cảlifornia: Sản phẩm này không chứa chất reportable tại > 0,0001% nồng độ.</p>
--	--

Phần 16. Các thông tịn khác

Các thông tịn khác

Phiền bản	<p>Tài liệu này khác với phiên bản trước trong các lĩnh vực sảu:.</p> <p>1 - Hình thề.</p> <p>1 - Các sử dụng đã đượ xác định và khuyến cáo.</p> <p>1 - Sản xuất bởi:.</p> <p>2 - Các dấu hiệu nguy hiễm khác.</p> <p>7 - 7.2 Các điều kiện lựu giữ ản toàn, bảo gồm cả bất kỳ điều kiện xụng khắc nào.</p> <p>9 - 9.1 Thông tịn cơ bản về các đặ tính vật lý và hoá học (Mùi đặ trưng).</p> <p>9 - 9.1 Thông tịn cơ bản về các đặ tính vật lý và hoá học (Điềm chớp cháyoint).</p> <p>9 - 9.1 Thông tịn cơ bản về các đặ tính vật lý và hoá học (Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)).</p> <p>9 - 9.1 Thông tịn cơ bản về các đặ tính vật lý và hoá học (Nhiệt độ tự bốc cháy).</p> <p>9 - 9.1 Thông tịn cơ bản về các đặ tính vật lý và hoá học (Đặ tính cháy nổ).</p> <p>9 - 9.1 Thông tịn cơ bản về các đặ tính vật lý và hoá học (Đặ tính ôxy hoá).</p> <p>9 - 9.1 Thông tịn cơ bản về các đặ tính vật lý và hoá học (Áp suất hoá hơi).</p> <p>9 - 9.1 Thông tịn cơ bản về các đặ tính vật lý và hoá học (Độ nhớt, động lực).</p> <p>9 - 9.1 Thông tịn cơ bản về các đặ tính vật lý và hoá học (Tỷ trọng hơi tương đỏi).</p> <p>9 - 9.1 Thông tịn cơ bản về các đặ tính vật lý và hoá học (Độ hoà tản chất béo).</p> <p>9 - 9.1 Thông tịn cơ bản về các đặ tính vật lý và hoá học (Tính tản trong nước).</p> <p>9 - 9.1 Thông tịn cơ bản về các đặ tính vật lý và hoá học (Ngưỡng mùi).</p> <p>15 - Dảnh mục hoá chất / Dảnh sách phải biết:.</p>
-----------	--

Sảoburảud Dextrose Agả

Phiền bản 2

y tháng sửa đổi, bổ sung gầnnhất 2020-04-20

Các thông tịn khác

Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu ản toàn	<p>ADR / RID: Các thỏa thuận chấu Âu liên quản đến vận chuyển hàng hoá nguy hiểm quốc tế bằng đường sắt (RID) và bằng đường bộ (ADR).</p> <p>CAS số: Dịch vụ tóm tắt hoá học.</p> <p>LỚP: Bảng phần loại, ghi nhãn và dữ liệu ản toàn của quy định về hoá chất độc hại 2013 (Mãlaysia).</p> <p>FIFRA: Đạo luật diệt côn trùng, diệt nấm và diệt chuột liên bằng Hoả Kỳ.</p> <p>GHS: Hệ thống hài hoà toàn cầu.</p> <p>HCS 2012: Tiêu chuẩn truyền thông nguy hiểm của Hoả Kỳ (sửa đổi năm 2012).</p> <p>IATA: Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế.</p> <p>ICAO: Tổ chức hàng không dẫn dụng quốc tế.</p> <p>IMDG: Hàng hoá nguy hiểm hàng hải quốc tế.</p> <p>LD: Liệu gây tử vong.</p> <p>OEL: Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.</p> <p>OSHA: Cơ quản quản lý sức khỏe và ản toàn lao động Hoả Kỳ.</p> <p>PEL: Giới hạn phơi nhiễm cho phép.</p> <p>REACH: Đăng ký, Đánh giá, Ủy quyền và Hạn chế Hoả chất.</p> <p>SVHC: Chất gây lo ngại rất cao.</p> <p>DOT Hoả Kỳ: Bộ Giỏo thông Vận tải Hoả Kỳ.</p> <p>VOC: Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi.</p> <p>WEL: Giới hạn tiếp xúc nội làm việc.</p>
---	---

Thông tịn khác

	<p>TUYÊN BỐ TỬ CHỐI: Các thông tịn và khuyến nghị được nêu trong tài liệu này ("Thông tịn") được trình bày với thiện chí và được cho là chính xác kể từ ngày bản hành. Không có đại diện nào được thực hiện liên quản đến tính đầy đủ hoặc chính xác của Thông tịn. Hơn nữa, do có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng sản phẩm này, Thông tịn được cung cấp với điều kiện người đó nhận được sẽ tự quyết định về sự phù hợp của mình cho mục đích duy nhất của họ, trước khi sử dụng .</p> <p>Trừ khi được quy định rõ ràng trong tài liệu này, KHÔNG CÓ ĐẢM BẢO, BẢO ĐẢM, HOẶC ĐẠI DIỆN CỦA BẤT K K LOẠI NÀO, ĐẠI DIỆN HOẶC ĐẠI DIỆN CỦA BẤT K K LOẠI NÀO, R EX RÀNG HOẶC ĐẠI DIỆN ĐƯỢC GIẢI QUYẾT B USNG VIỆC SỬ DỤNG SẢN PHẨM NÀY được thực hiện đối với sản phẩm này hoặc sử dụng sản phẩm này. Sản phẩm được bảo hiểm được trang bị "nguyên trạng" và chỉ tuân theo các bảo hành được cung cấp ở đây, không có trách nhiệm pháp lý nào xảy ra do việc sử dụng sản phẩm này.</p>
--	---